36. XÃ NINH QƯỚI

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Phương	Đến cầu 30 tháng 4	650
2	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ cầu 30 tháng 4	Đến cầu Mười Thời (tên cũ: Đến cầu Bà Âu)	500
3	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Sách	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Tạo	600
4	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ngã tư chợ Ninh Quới (Nguyễn Ngọc Ẩn)	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Ty	600
5	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ cầu chợ Ninh Quới	Đến hết ranh đất công	1.400
6	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sử Văn Khuyên	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quận	500
7	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thuỷ	Đình thần Nguyễn Trung Trực	500
8	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Khanh	Đến 1/2 ranh đất ông Danh Chanh	300
9	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy	Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Em	500
10	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Thị Hai (cầu giáp ranh Ninh Hòa)	Đến hết ranh Thái Đức Hồng	500
11	Ấp Ninh Phú	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Giỏi	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	500

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
12	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuyết Dương	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thế (Cầu giáp Ninh Quới A)	500
13	Ấp Ninh Bình	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thép	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Dợt	400
14	Ấp Ninh Bình	Hà Văn Hận	Lâm Văn Tám	400
15	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Còn	Đến hết ranh ông Đặng Văn Thạch	400
16	Ấp Vàm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Thạch	Đến cầu Bà Âu	400
17	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Diệp Văn Út	Đến hết ranh đất ông Phan Văn Còn	400
18	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Văn Thắng	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Lô	400
19	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Be	Đến hết ranh đất ông Chiến	400
20	Ấp Ninh Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Quận	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuấn	400
21	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Sơn	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuấn	400
22	Kênh Trà Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Ngự	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Văn	300
23	Tuyến Lung Phèn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thu	Đến hết ranh đất ông 6 Chem	400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
24	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tư Rút)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Nghị (Bờ Tây)	400
25	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tư Rút)	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Trung Liên	400
26	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Trà	Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Thọ	400
27	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Nghị (Bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sự	400
28	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ cầu 2 Ẩn	Hết ranh thửa đất ông Nguyễn Văn Cuôi	400
29	Ấp Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hùng Dũng	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Hưởng	400
30	Ấp Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Lạc	Đến hết ranh đất ông 7 Nỹ	400
31	Tuyến Kênh Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Chí Nguyện	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Giới	400
32	Ấp Xóm Tre	Bắt đầu từ cầu 7 Cẩm	Hết ranh thửa đất ông 6 Tiến	400
33	Tuyến Cây Me	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 4 Ngàn	Kênh Cây Me	400
34	Ấp Ninh Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Trứ	Đến ranh đất ông Lâm Mười Lớn	400
35	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Vinh (ông 7 Chành)	Đến hết ranh đất Bà Nguyễn Thị Lan	800

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
36	Bờ bắc Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh đất Bà Nguyễn Thị Lan	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến ấp Phước Hoà Tiền - Thị trấn Phước Long)	700
37	Đường bờ bắc Kênh Quản lộ	Bắt đầu từ trạm giao thông đường thủy khu vực Hồng Dân (tên cũ: Bắt đầu từ trạm giao thông đường thủy huyện Hồng Dân)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Ri (ấp Ninh Lợi)	700
38	Đường bờ nam Kênh QL (Chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Tải	Đến cầu Rạch Cũ (ông Lý Ích)	2.100
39	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ chùa Hưng Thiên Tự	Đến hết ranh đất ông Lưu Minh Trung	700
40	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Minh Trung	Đến hết ranh đất kho lương thực	600
41	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ hết ranh đất kho lương thực	Đến giáp ranh Cần Thơ (tên cũ: Đến giáp ranh phường 3, TX. Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng)	500
42	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Xiếu	Hướng Cầu Sập giáp cầu 3 Để	700
43	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ba Hòn	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Hùng	600
44	Kênh xóm Chùa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Châu	Đến Quản Lộ Phụng Hiệp	400
45	Đường lộ hậu sau chợ	Bắt đầu từ trụ Sở xã Ninh Quới A (Trụ Sở cũ)	Đến đường Cầu Mới Ninh Quới	1.400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
46	Đường Phía Tây Ninh Quới - Cầu sập	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phải	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Luôn	1.400
47	Đường Phía Tây Ninh Quới - Cầu sập	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Liệt	Đến cầu Chín Tôn (giáp xã Phước Long) (tên cũ: Đến cầu Chín Tôn (giáp huyện Phước Long))	1.200
48	Đường Phía Tây Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiệp)	Đến cầu 3 Gió	700
49	Đường Phía Tây Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ủ	Đến Ninh Thạnh 2 xã Hồng Dân (cầu 3.000)	500
50	Đường Phía Đông Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Phiếng	Đến hết ranh đất ông Lê Thanh Hải	700
51	Đường phía Bắc Ninh Quới - Vĩnh Quới - Sóc Trăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Biểu	Đến giáp ranh Cần Thơ (tên cũ: Đến giáp ranh phường 3, TX. Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng)	500
52	Đường phía Đông Ninh Quới -Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Vân	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Đức	500
53	Đường phía Đông Ninh Quới -Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Điện	Đến hết ranh đất ông Trương Văn Hải	400
54	Đường phía Đông Ninh Quới -Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Mai Thị Vân	giáp xã Hồng Dân (tên cũ:Kênh Mười Sộp)	400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
55	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Dân (ấp Ninh Tiến)	400
56	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Sắc	Đến giáp ranh phường Mỹ Quới (tên cũ: Đến Nhị tỳ Ninh Hiệp (giáp ranh xã Mỹ Quới))	400
57	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Lệ	Đến giáp ranh phường Mỹ Quới (tên cũ: Đến Chùa Chệt Sĩa (giáp ranh xã Mỹ Quới))	400
58	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Hùng (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đỗ Thị Sáng)	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Diêu (ấp Ninh Hiệp)	400
59	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Đăng Thêm	Đến hết ranh đất ông Hồng Văn Khởi (Vàm tư Tảo)	300
60	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ cầu Chín Điệu	Đến hết ranh đất ông Danh Thượng (Ninh Chùa)	300
61	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Phương	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quang (cầu 3 Tài)	300
62	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mai Văn Sanh	Đến hết ranh đất ông Lê Bữu Trang	500
63	Đường cầu mới Ninh Quới, đoạn nối giữa đường Ngan Dừa - Ninh Quới (Lộ 63)	Bắt đầu từ 0m (tính từ mép Lộ 63)	Đến hết ranh đất Miếu ông Bổn	1.600

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
64	Đường cầu mới Ninh Quới, đoạn nối giữa đường Ninh Quới - Cầu sập	Bắt đầu từ 0m (tính từ mép lộ đường Ninh Quới - Cầu Sập)	Đến cầu Mới Ninh Quới	900
65	Phía Tây Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Ta	Đến cống Hai Quan	800
66	Phía đông quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ranh của bà Lê Thị The (cầu Ngan Dừa)	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Năm (Cầu Hai Quan)	800
67	Đường Dẫn Cống âu thuyền	Bắt đầu từ cống Âu Thuyền	Đến cống phân ranh mặn ngọt: Cầu Sập - Ninh Quới	500
68	Đường Lộ Mới trụ sở xã Ninh Quới	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Ninh Quới (từ ranh nhà ông Thọ)	Đến đường Cầu Sập - Ninh Quới (chợ mới)	1.400
69	Kênh 3/2	Bắt đầu từ cầu 3/2	Đến hết ranh đất nhà bà Cao Thị Ngân	350
70	Kênh ba Đồng	Bắt đầu từ cầu 3 Tài	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngọc	350
71	Cầu 7 Mai	Bắt đầu từ ranh đất bà Võ Thị Anh Đào	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn On	350
72	Kênh Le Le (đường phía Nam)	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Thanh Hải	Đến hết ranh đất ông Đặng Thành Việt	350
73	Kênh Le Le (đường phía Bắc)	Bắt đầu từ ranh đất bà Lê Thị Tú Em	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Phến	350
74	Kênh Le Le (đường phía Nam)	Bắt đầu từ ranh đất ông Phạm Văn Nghiệp	Đến hết ranh đất ông Trần Thanh Hải	350

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
75	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Đẳng	Đến hết ranh đất ông Cao Trung Đương	350
76	Kênh 6 Tào	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Nhuận	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Thức	350
77	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phấn (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phưởng)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Xem	350
78	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Từ cầu Bà Âu	Nhà ông Tám Thay	530
79	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Từ nhà ông Cọp	Gáp ranh đất ấp Ninh An xã Hồng Dân	350
80	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Từ đất nhà ông Trần Văn Bon	Nhà Nguyễn Văn Dững	350
81	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Nhà Lý Hùng	Giáp ranh phường Mỹ Quới	280
82	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Cầu Ba Gió	Giáp ranh ấp Tà Óc	350
83	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Từ cầu sắt	Hết ranh đất ông Trần Văn Hải	500
84	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220
85	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
86	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

37. XÃ HỒNG DÂN

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Khu 1A			
1	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Hưng Đạo	4.500
2	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	3.200
3	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đến hết ranh đất ông Hồ Công Uẩn (Giáp ấp Thống Nhất)	3.500
4	Khu 1B	Bắt đầu từ ranh đất ông Út Bé	Đến giáp ranh Trại cưa Tám Tương (trên lộ và mé sông)	1.800
5	Khu 1B	Bắt đầu từ nhà ông Trần Phước Nam (giáp đường Chu Văn An)	Đến giáp Lộ trước (đến nhà ông Trịnh Văn Y)	2.500
6	Khu 1B	Bắt đầu từ giáp ranh Trại cưa Tám Tương	Đến giáp ấp Bà Gồng (hết ranh đất ông Trần Văn Bé Phía trên lộ và mé sông)	1.300
	Khu 2			
7	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Nguyễn Trung Trực	Đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	4.000
8	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đến đường Trần Hưng Đạo	2.500
9	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Bắt đầu từ ranh đất Miếu Quan Đế (Chùa ông Bổn)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Khởi An	2.800
10	Khu III	Bắt đầu từ nhà ông Trịnh Văn Hải (cầu Trọng Điều)	Đến ngã tư Kinh Xáng Trung tâm y tế	1.600
11	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu cầu Trọng Điều	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải	1.300
12	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Tến	Đến đầu cầu Kinh Nhỏ	1.000
13	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu từ đầu cầu kinh nhỏ khu III (theo kênh nhỏ)	Đến chùa Hưng Kiến Tự	1.000
14	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 0 m	Đến 30 m	1.300

Đơn vị tính 1.000 đồng/m ^{2}

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
15	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 30 m tiếp theo	Đến 60 m	1.000
16	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 60 m tiếp theo	Đến ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	800
17	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất bà Dương Thị Thanh (dọc theo sông Cái Trầu)	Đến hết ranh đất Đình thần Trung Trực	400
18	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh Tái định cư	Đến nhà ông Danh Khiêm	1.800
19	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tuyết Thắng	Đến Miễu Bà Hiên	800
20	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ca Văn Quang	Đến ngã tư Bà Gồng (đến ranh đất ông Trần Tuấn Mảnh)	400
21	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Mãnh	Đến giáp khu tái định cư (hết ranh đất ông Lương Văn Được)	500
22	Khu tái định cư, ấp Bà Hiên	Đường Hai Bà Trưng (từ kênh xáng)	Đến rạch Ngan Dừa - Tà Ben	2.600
23	Khu tái định cư, ấp Bà Hiên	Dãy nhà tiếp giáp hệ thống thoát nước vòng sau hậu đường Hai Bà Trưng		1.600
24	Khu tái định cư, ấp Bà Hiên	Dãy nhà dành cho hộ có thu nhập thấp (Lô III)		1.300
25	Bờ đông, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất Trung tâm y tế	Đến hết ranh đất Chùa Hưng Kiến Tự	800
26	Bờ Tây, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Nghĩa	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	300
27	Bờ Tây, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	Đến hết ranh Miễu Rạch Chùa	600
28	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Bình Đẳng	Đến ngã ba Vàm Xáng (hết ranh đất bến đò ông bảy Đực)	400
29	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Hồng Bảy	Đến hết ranh đất ông Võ Văn So	400
30	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Thanh	Đến hết ranh đất Bảy Đực	400

Đơn vị tính 1.000 đồng/m ^{2}

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
31	Bờ Bắc rạch Chùa	Cầu Trung Ương đoàn	Đến hết ranh ông Lâm Dù Cạc	300
32	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Thể	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Bê	2.300
33	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sáu	Đến Cầu Kè	1.500
34	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ Cầu Kè	Đến thết ranh đất bà Hương (giáp cầu Xẻo Vẹt)	1.000
35	Đường Trần Hưng Đạo	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Nhỏ (tuyến lộ Thống Nhất II)	Đến Cầu Xẻo Vẹt	900
36	Ấp Bà Gồng	Bắt đầu từ ngã tư Bà Gồng (từ ranh đất ông Trương Kim Nám)	Đến giáp Khu 1B Nội Ô (giáp ranh đất ông Trần Văn Bé)	1.000
37	Ấp Bà Gồng	Bắt đầu từ cầu 19 tháng 5	Đến ngã Tư Bà Gồng (đến ranh đất ông Quách Văn Siều)	700
38	Ấp Bà Gồng	Bắt đầu từ ngã Tư Bà Gồng (từ ranh đất Trường Tiểu Học)	Đến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	800
39	Ấp Bà Gồng	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lê Thị Tình	Đến hết ranh nhà ông Danh Khen (chuồng dơi)	350
40	Ấp Bà Gồng	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Danh Khen	Đến ranh xã Ninh Hòa (cũ)	300
41	Cầu Bụi Dứa	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Thanh Văn	Đến cầu Bụi Dứa	350
42	Rạch Tà Ben	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Thanh Văn	Đến rạch Bà Hiên	350
43	Ấp Bà Gồng, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ đầu lộ (giáp lộ Thống Nhất)	Đến 60m	1.000
44	Ấp Bà Gồng, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ 60m tiếp theo	Đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến giáp lộ Thống Nhất II)	700
45	Ấp Bà Gồng, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	Bắt đầu từ cầu Xẻo Vẹt (bến phà cũ)	Đến hết ranh đất ông Sáu Bùi	600

Đơn vị tính 1.000 đồng/m ^{2}

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
46	Ấp Bà Gồng, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Sáu Bùi	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Tổng	500
47	Ấp Bà Gồng, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	Bắt đầu từ cầu ông Ba Mậu	Đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà (cũ)	450
	Khu Trung tâm hành chính (Trừ khu Trung tâm Thương mại)			
48	Đường Lê Duẩn	Cầu số 01	Đường Lộc Ninh (xem lại giới hạn)	4.000
49	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	4.000
50	Đường Bùi Thị Trường	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	4.000
51	Đường Trần Hưng Đạo	Đầu cầu Ngan Dừa	Đường Lộc Ninh	4.000
52	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	Đường Bùi Thị Trường	4.000
53	Đường Trần Văn Bảy	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Gia Viễn	4.500
54	Đường Lê Thị Riêng	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lộc Ninh	4.000
55	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	4.500
56	Đường Trần Kim Túc	Đường Trương Văn An	Đường Lộc Ninh	3.800
57	Đường Trương Văn An	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Thị Riêng	3.800
58	Đường Phùng Ngọc Liêm	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Văn Bảy	3.800
59	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Thị Sáu	3.800
60	Đường Thị Chậm	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Thị Sáu	3.800
61	Đường Nguyễn Thị Mười	Đường Phùng Ngọc Liêm	Đường Nguyễn Đình Chiểu	3.800
62	Đường Trần Văn Tất	Đường Bùi Thị Trường	Đường Lộc Ninh	3.800
63	Đường Nguyễn Thị Năm	Đường Trần Kim Túc	Đường Trần Văn Tất	3.800
64	Đường Lộc Ninh	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	3.150

Đơn vị tính 1.000 đồng/m ^{2}

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
65	Đường B12	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	3.800
66	Đường Ngô Quyền (đoạn nối giữa đoạn từ Cầu Lún đến Trung Tâm Y tế huyện Hồng Dân)	Bắt đầu từ 0 km (đầu đường)	Đến đường dẫn cầu Gia Diễn (Lê Văn Đông)	1.000
67	Đường Ngô Quyền (đoạn nối giữa đoạn từ Cầu Lún đến Trung Tâm Y tế huyện Hồng Dân)	Bắt đầu từ giáp ranh đất bồi thường đường dẫn cầu Gia Diễn (đất ông Lê Văn Đông)	Đến hết đường Ngô Quyền	700
68	Khu III, đoạn nối giữa đường Ngô Quyền với lộ kênh nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Vui	Đến ranh đất bà Nguyễn Thị Ly	1.400
69	Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Bé Sáu	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngươi	2.000
70	Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Ngươi	Đến hết sân Tennis	1.400
71	Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ hết ranh đất sân Tennis	Đến đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến lộ Thống Nhất II)	1.000
72	Từ câu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Kênh nhỏ	Đến cầu Chùa Ngan Dừa	600
73	Từ câu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Chùa Ngan Dừa	Đến hết đất ông Võ Văn So	500
74	Từ câu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Đoàn Thanh Niên	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	500
75	Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới	Đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Bắt đầu từ lộ Thống Nhất II)	Đến cầu Mới Bà Gồng	800

Đơn vị tính 1.000 đồng/m ^{2}

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
76	Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Mới Bà Gồng	Đến hết ranh thị trấn (Bãi rác)	700
77	Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ dốc cầu Gia Diễn	Đến ngã 4 đường Ngô Quyền	900
78	Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Được	Đến ranh đất ông Trần Quốc Nghiêm	800
79	Ấp kênh xáng	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bổn)	Đến cổng Chào	1.100
80	Ấp kênh xáng	Bắt đầu từ cổng Chào	Đến hết ranh đất Cây xăng Hoàng Quân	900
81	Ấp kênh xáng	Bắt đầu từ ranh đất Cây xăng Hoàng Quân	Đến giáp Kinh thuỷ lợi ông Ca Văn Ngọc	700
82	Ấp kênh xáng	Bắt đầu từ kênh thuỷ lợi ông Ca Văn Ngọc	Đến giáp xã Ninh Hoà (Cầu bà Hiên)	600
83	Ấp kênh xáng	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bổn)	Đến ranh đất Hãng nước đá Út Nhỏ	900
84	Ấp Đầu Sấu Đông	Bắt đầu từ Miếu Ông Bổn	Đến rạch đường Trâu (cống Ông Cọn)	700
85	Ấp Đầu Sấu Đông	Bắt đầu từ rạch đường Trâu (cống Ông Cọn)	Đến Cầu chùa Đầu Sấu	500
86	Ấp Kênh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất Hãng nước đá Út Nhỏ	Đến hết ranh đất Hãng Nước đá Trần Tấn	700
87	Ấp Kênh Xáng	Bắt đầu từ hết ranh đất Hãng nước đá Trần Tấn	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Tan	700
88	Ấp Kênh Xáng	Bắt đầu từ giáp cầu Tám Tụi	Đến giáp xã Vĩnh Lộc cũ (hết ranh đất ông Hàng Văn Sinh)	500
89	Kênh Xáng Đầu Sấu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thị Dũng	Đến ranh đất nhà bà Thị Diện	900
90	Đường dẫn Cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Du	Đến giáp móng cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	1.000
91	Ấp Đầu Sấu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Diện	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	300
92	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ ranh đất Trụ sở xã (giáp cầu ông Tân)	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	760
93	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	Đến cầu ông Lý Hoàng Thọ	500
94	Ấp Bà Ai I, Tà Suôl	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hà Thị Sớm	Đến hết cầu nhà Năm Hiền	400
95	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phượng	Đến hết ranh đất ông Phỏn (giáp xã NTL)	700
96	Ấp Bà Ai I, II, Cai Giảng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Hoàng Thọ	Đến hết ranh đất Chùa Thành Thất	500

Đơn vị tính 1.000 đồng/m ^{2}

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
97	Ấp Kênh Xáng, Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ kênh Xáng (nhà ông Đỉnh)	Đến hết ranh ông Danh Khum	300
98	Ấp Kênh Xáng, Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Văn Bình	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	300
99	Ấp Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Khum	Đến giáp kênh Xáng Hòa Bình	300
100	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ kênh 12000	Đến hết ranh đất ông Dện	600
101	Phước Hoà	Bắt đầu từ cầu Trường học Phước Hoà	Đến giáp thị trấn Phước Long (hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ)	400
102	Ấp Cai Giảng	Bắt đầu từ cầu ông Phỏn	Đến hết ranh đất Chùa Cai Giảng (giáp xã Vĩnh Lộc)	400
103	Ấp Tà Suôl, Bình Dân	Bắt đầu từ cầu Tà Suôl (từ ranh đất ông Nguyễn Văn Sỏi)	Đến hết ranh đất ông Phan Minh Hoàng	400
104	Ấp Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Phen	Đến giáp cầu Bà Ai 1 (Cầu Sắt)	400
105	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Văn Sua	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Của	500
106	Ấp Bình Dân, Tà Suôl, Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Quel (kênh 6.000)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc (Bờ đông Kênh Hoà Bình)	400
107	Ấp Cai Giảng - Phước Hoà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cang	Đến hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ (đầu kênh 6.000)	400
108	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Phạm Văn Cả	Đến giáp cầu Trường học Phước Hòa	300
109	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã (giáp cầu ông Tân)	Đến cầu Thanh Niên (Rạch thầy Cai)	700
110	Ấp Tà Suôl	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên(rạch thầy Cai)	Đến cầu 1000 (ranh đất Nguyễn Văn Sưa)	500
111	Ấp Cai Giảng	Bắt đầu từ cầu ông 7 Nhỏ	Đến giáp kênh 3 tháng 2	300
112	Tuyến Vĩnh Ninh - Ấp Kinh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đức	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	300
113	Tuyến lộ 63 (DT78)	Bắt đầu từ ranh đất Trạm Y tế	Đến Giáp ranh xã Ninh Quới A (Cầu 3.000)	500

Đơn vị tính 1.000 đồng/m ^{2}

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
114	Tuyến lộ 63 (DT78)	Bắt đầu từ cầu 6.000 (Ninh Thạnh II)	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Hường (giáp cầu 7.000)	500
115	Tuyến lộ 63 (DT78)	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Phỉ (cầu 7.000)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Trần Văn Bá)	500
116	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ ngã Ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đực	500
117	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng	Đến giáp thị trấn Ngan Dừa cũ	500
118	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ ngã ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Mừng	500
119	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu ranh đất Lê Hoàng Thoại	Đến cầu Xéo Tràm	500
120	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Xéo Tràm	Đến cầu Ninh Quới (cầu Ba Hùng)	500
121	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất bà Võ Thị Mừng (Phía Đông)	500
122	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Đực (phía tây về Thị trấn Ngan Dừa)	500
123	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Hoàng Thoại (về Ninh Quới)	Đến Cầu Xẻo Tràm	400
124	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng (về Thị trấn Ngan Dừa)	Đến Cống Bảy Ú	400
125	Tuyến Ninh Thạnh 2 - Tà Ky - Ninh Phước (phía có lộ nhựa)	Bắt đầu từ cầu 8.000 Ninh Thạnh 2, bờ có lộ nhựa (từ ranh bà Cam)	Đến giáp Kênh Xáng Hoà Bình hết ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm)	350
126	Tuyến Ninh Phước - Tà Óc - Ninh Thạnh 2	Bắt đầu từ ranh đất Trường Trương Vĩnh Ký (ngã 3 Ninh Phước) - Bờ Tây	Đến cầu 3.000 - ranh đất ông Hai Đại	350
127	Tuyến Ninh Phước - Tà Óc - Ninh Thạnh 3	Bắt đầu từ ranh đất ông Mười Sộp	Đến Cầu Bà Hiên thị trấn Ngan Dừa	400

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
128	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Chín Khanh (Ninh Thạnh 1)	Đến Cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	350
129	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Mèo	350
130	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Bảy Tý	400
131	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Chữ Y - Bắt đầu từ ranh đất Huỳnh Văn Phận	Đến Cầu Ngan Châu	300
132	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Cường	Đến hết ranh đất bà Đặng Thị Bé Hai	300
133	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Rít	Đến Cống Lá Viết	400
134	Đường vành đai sông cái	Bắt đầu từ ranh đất Trần Phong Sắc (Vĩnh An)	Đến Cầu Ba Hùng (giáp Ninh Quới)	400
135	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Hát	Đến Cầu ngã tư Ninh An (hết ranh đất bà Trần Thị Thích)	350
136	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Rọc Lá (Ranh đất ông Võ Văn Nỡ)	Đến cầu Trung ương Đoàn (hết ranh đất ông Lương Văn Cường)	300
137	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ trường Tuệ Tĩnh	Đến Cầu Xẻo Rô (hết ranh đất ông Phan Văn Danh)	300
138	Tuyến Út Xù	Bắt đầu từ cầu 6 Vạn (Ninh Thạnh 1)	Đến hết ranh đất Danh Vân (Tà Ben)	300
139	Tuyến kênh Trương Hồ	Bắt đầu từ cầu Trương Hồ (Ninh Phước)	Đến hết ranh đất Trần Văn Tính (Trương Hồ)	300
140	Tuyến Ninh Thạnh II - Tà Ky - Ninh Phước (phía không có lộ nhựa)	Bắt đầu từ cầu 8.000 (bờ Tây Ninh Thạnh 2)	Đến Cầu ông Tiếp (Tà Ky)	300
141	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Chiến Hiền (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Danh Phan	300
142	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hậu (giáp xã Phước Long, bờ Tây)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (đất ông Trần Văn Chánh)	300
143	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ giáp ranh đất ông 2 Lũy (Tà Ben)	Đến giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Khải (Vĩnh An)	300
144	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ cầu Quốc Dân	Cầu Bảy Tâm	300

Đơn vị tính 1.000 đồng/m ^{2}

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
145	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Nguyễn Văn Hồng - Bờ Đông	Đến hết ranh đất nhà bà Phan Thị Đẹp (ngã tư Sáu Bàng)	300
146	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu nhà ông Lê Văn Trắng (ngã tư Sáu Bàng)	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Thành Công (giáp ranh Ninh Quới A cũ)	300
147	Tuyến kênh Xẻo Tràm	Bắt đầu từ cầu Xẻo Tràm (Trà Men)	Đến cống Xẻo Tràm	300
148	Ấp Ninh Thạnh 2	Bắt đầu từ cầu 6000 (nhà ông Bùi Văn Nho)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Vọng	300
149	Tuyến Hào Hai	Bắt đầu từ cầu Hào Hai (Nhà ông Nguyễn Văn Vũ)	Đến hết ranh nhà ông Lê Văn Nghĩa (8 Nghĩa)	300
150	Ấp Tà Ky - Tuyến Kinh Cùng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm	Đến hết ranh nhà ông Phan Văn Bòn	300
151	Ấp Tà Ky - Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Hoàng Huynh	Đến kênh 9000 giáp ranh xã Lộc Ninh	300
152	Tuyến Kênh Ranh (Ninh Định - Ninh An)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Hộ	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Tới	300
153	Tuyến 9000	Bắt đầu từ ranh đất Công An Huyện	Đến nhà ông Phan Út Lớn	300
154	Tuyến đường bê tông 2,5 m, ấp Tà Ben	Bắt đầu từ đất ông Danh Sen	Đến đất ông Trương Văn Tính	350
155	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			300
156	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			350
157	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200

38. XÃ NINH THẠNH LỢI

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Tuyến Kênh Cộng hoà (ấp Ninh Thạnh Đông - Cây Méc - Cai Giảng - Ngô Kim - Cây Cui - Xẻo Gừa)	Bắt đầu từ Ranh đất ông Trần Văn Cang (*kênh 6000*) giáp xã Vĩnh Phước	Đến hết ranh đất ông Trương Quang Ba, giáp câu kênh ranh, ấp Ngô Kim	420
2	Tuyến Kênh Cộng hoà (ấp Ninh Thạnh Đông – Cây Méc – Cai Giảng – Ngô Kim – Cây Cui – Xẻo Gừa)	Từ giáp câu kênh ranh (từ ranh đất ông Nguyễn Văn Ly, ấp Ngô Kim)	Đến cầu Vàm Xẻo Gừa (*nhà ông Tư Hoá*)	380
3	Tuyến Vành đai Khu căn cứ Tỉnh uỷ đặc biệt Cái Chanh (ấp Xẻo Gừa - Cây Cui - Xẻo Dừng)	Từ cầu Xẻo Gừa (từ ranh đất ông Trần Bách Chiến)	Đến giáp Cầu treo Vĩnh Phong (*ấp Xẻo Dừng*)	450
4	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông - Cai Giảng - KosThum - Ninh Thạnh Tây - Xẻo Gừa)	Từ đất ông Danh Hoàng Phel (*kênh 6000*), ấp Ninh Thạnh Đông	Đến kênh 10000 (*nhà Danh Cáo*) ấp KosThum	500
5	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giảng – KosThum – Ninh Thạnh Tây – Xẻo Gừa)	Từ giáp cầu 10000 (*nhà ông Danh Cáo*), ấp KosThum	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Quốc Toàn, ấp Ninh Thạnh Tây	520
6	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông - Cai Giảng - KosThum - Ninh Thạnh Tây - Xẻo Gừa)	Từ hết ranh đất ông Nguyễn Quốc Toàn	Đến hết ranh đất ông Phạm Xu Ly (giáp lộ nội bộ)	920
7	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giảng – KosThum – Ninh Thạnh Tây – Xẻo Gừa)	Đến hết ranh đất ông Phạm Xu Ly (giáp lộ nội bộ)	- Đến hết ranh đất Trường Mầm Non Sen Hồng (Phạm Thanh Tùng)	1.330

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
8	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giảng – KosThum – Ninh Thạnh Tây – Xẻo Gừa)	Đến hết ranh đất Trường Mầm Non Sen Hồng (Phạm Thanh Tùng)	Đến cầu Vàm Xẻo Gừa (nhà ông Tư Hóa)	650
9	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn	Từ kênh 6000 (*nhà ông Vũ Thanh Tòng*) ấp Thống Nhất	Đến Cầu Kênh 12000, ấp Chòm Cao	410
10	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn	Từ đất ông Lê Hồng Dân (*cầu kênh 12000*), ấp Chòm Cao	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Đoàn, ấp Ninh Thạnh Tây	470
11	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn	Từ hết ranh đất ông Quách Văn Đoàn, ấp Ninh Thạnh Tây	Đến giáp cầu kênh 14 (hết ranh đất ông Phạm Văn Thuận)	590
12	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn	Bắt đầu từ đất ông Phạm Văn Thuận, ấp Xẻo Gừa	Đến cầu Vàm Xẻo Gừa (hết ranh đất ông Trần Bách Chiến)	450
13	Tuyến kênh 6000 (ấp Ninh Thạnh Đông) giáp xã Vĩnh Phước	Từ hết ranh đất ông Trần Văn Cang, ấp Ninh Thạnh Đông	Đết hết ranh đất ông Danh Hoàng Phel	500
14	Tuyến kênh 7000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giảng)	Bờ Nam từ hết ranh đất ông Trần Ngọc Hiển, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến hết ranh đất ông Phan Văn Lập	450
15	Tuyến kênh 7000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giảng)	Bờ Bắc từ đất ông Trần Văn Quân, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến	350
16	Tuyến kênh Tà Hong (ấp Ninh Thạnh Đông- Cai Giảng – KosThum)	Bờ Đông từ giáp kênh 7000, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến giáp ranh đất Chùa KosThum	350
17	Tuyến kênh Tà Hong (ấp Ninh Thạnh Đông- Cai Giảng – KosThum)	Bờ Tây từ giáp ranh đất ông Nguyễn Hoàng Khải, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến giáp kênh xã Sang (*nhà ông Danh Hoàng Anh*) ấp KosThum	450

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
18	Tuyến kênh 8000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giảng)	Bờ Nam từ giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Quân, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến giáp ranh đất bà Võ Thị Vân ấp Cai Giảng	350
19	Tuyến kênh 8000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giảng)	Bờ Bắc từ giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Lời, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến giáp ranh đất bà Võ Thị Diệu, áp Cai Giảng	450
20	Tuyến kênh 9000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cây Méc – Cai Giảng - KosThum)	Từ giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Thuỷ, ấp Cây Méc (*bờ tây*)	Đến giáp ranh đất ông Tăng Bình, ấp KosThum	360
21	Tuyến kênh 9000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cây Méc – Cai Giảng - KosThum)	Từ giáp ranh đất ông Châu Văn Hội (*bờ đông*)	Đến hết ranh đất bà Trần Thị Luối	350
22	Tuyến kênh Cây Méc	Từ hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sự	Đến giáp ranh đất Bà Ly kênh Cai Giảng	350
23	Tuyến kênh Cây Méc	Từ đất ông Nguyễn Văn Út	Đến ranh đất bà Nguyễn Bé Năm	350
24	Tuyến kênh 10000 (ấp Cây Méc – Cai Giảng – KosThum)	Từ hết ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng, ấp Cây Méc	Đến giáp ranh đất ông Danh Mộ, ấp KosThum	350
25	Tuyến kênh 10000 (ấp Cây Méc – Cai Giảng – KosThum)	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng, ấp Cây Méc	Đến hết ranh đất ông Tăng Đờ Ra, ấp KosThum	450
26	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giảng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Bờ Đông giáp xã Hồng Dân (Cầu 3/2)	Đến cầu kênh Xã Sang (hết ranh đất Trần Kim Chi)	650
27	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giảng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Bờ Tây Từ giáp ranh đất ông Phạm Văn Hưởng, ấp Cây Méc	Đến hết ranh đất ông Quách Há gần kênh Xã Sang	350
28	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giảng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Bờ Đông Cầu Kênh Xã Xang (hết ranh đất Trần Kim Chi)	Đến cầu Út Oanh (kênh Ranh)	780
29	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giảng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	ờ Tây từ ranh đất ông Trần Văn Múa giáp kênh Xã Sang	Đến hết ra đất ông Đặng Hữu Tâm	350

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
30	Tuyến kênh Cai Giảng	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Trung Thành ấp Cây Méc	Đến giáp ranh đất ông Trần văn Việt, ấp Cai Giảng	350
31	Tuyến kênh Cai Giảng	Từ hết ranh đất ông Phan Văn Quân, ấp Cai Giảng	Đến giáp ranh đất ông Trần Xón, ấp KosThum	450
32	Tuyến kênh xã Sang (ấp Ngô Kim – KosThum)	Bờ Bắc Từ hết ranh đất của ông Trần Quốc Lâm, ấp Ngô Kim	Đến ranh đất ông Danh Cáo, ấp KosThum	450
33	Tuyến kênh xã Sang (ấp Ngô Kim – KosThum)	Bờ Nam Từ hết ranh đất ông Trần Quốc Thống, ấp Ngô Kim	Đến cầu 10000 (*nhà Huế Cỏn*), ấp KosThum	350
34	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thạnh Tây)	Từ hết ranh đất ông Trương Quang Ba, ấp Ngô Kim	Đến giáp ranh đất bà Trần Mỹ Án (*cầu kênh Ranh*)	350
35	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thạnh Tây)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Ly, ấp Ngô Kim	Đến cầu Bùng Binh	450
36	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thạnh Tây)	Từ cầu Bùng Binh	Đến hết ranh đất ông Ngô Thanh Hiền	480
37	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thạnh Tây)	Từ giáp ranh đất ông Ngô Thanh Hiền	Đến giáp ranh đất ông Tăng Thanh Bình	780
38	Tuyến kênh Hai Phi (ấp Ngô Kim hai bên)	Từ ranh đất ông Lâm Văn On, ấp Ngô Kim	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Vui, ấp Xẻo Gừa	350
39	Tuyến kênh Bùng Binh (ấp Ngô Kim - ấp Xẻo Gừa)	Từ hết ranh đất ông Lê Văn Tú, Vàm Xẻo Gừa	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Khoa	450
40	Tuyến kênh Bùng Binh (ấp Ngô Kim - ấp Xẻo Gừa)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Đèo, vàm Xẻo Gừa	Đến hết ranh đất bà 6 Sài (*cầu Bùng Binh*)	350
41	Tuyến kênh Tập đoàn ấp Xẻo Gừa	Từ ranh đất Miếu bà Chúa Xứ	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Châu	350
42	Tuyến kênh Tập đoàn ấp Xẻo Gừa	Từ ranh đất bà Ngô Thị Ten	Đến hết ranh đất ông Trần văn Kiệt	350

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
43	Khu trung tâm Chợ Mới Ninh Thạnh Lợi	Từ ranh đất ông Phạm Xu Ly (giáp lộ nội bộ)	Đến hết ranh đất ông Tăng Thanh Bình	920
44	Khu trung tâm Chợ Mới Ninh Thạnh Lợi	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Khá	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Kén (*cầu kinh Ranh*)	920
45	Khu trung tâm Chợ Mới Ninh Thạnh Lợi	Từ giáp ranh đất Nguyễn Thị Lạc	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Hoàng Tân	920
46	Tuyến nội bộ xã	Từ ngã ba lộ nội bộ (*giáp ranh đất ông Phạm Xu Ly*)	Đến ngã ba giáp đất ông Bảy Đạm	920
47	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ giáp đất ông Quách Văn Bình	Đến ranh đất ông Danh Xương (*chùa KosThum*)	450
48	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ ranh đất ông Quách Kía	Đến cầu Giác Đạo (*nhà ông Tăng Bạch*)	420
49	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ ranh đất ông Lý văn Liếp (*dọc theo xóm 3*)	Đến ranh đất ông Danh Nhi	400
50	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ ranh đất ông Trần Khêl	Đến hết ranh đất ông Danh Thol	400
51	Tuyến kênh 14 (ấp Xẻo Gừa – Xẻo Dừng)	Từ đất ông Nguyễn Văn Tạo, ấp Xẻo Gừa *(bờ đông)*	Đến giáp ranh đất ông Lê Văn Biểu, ấp Xẻo Dừng	350
52	Tuyến kênh 14 (ấp Xẻo Gừa – Xẻo Dừng)	Từ đất ông Trần Thanh Hoá *(bờ tây)*	Đến ranh đất ông Nguyễn Văn Lâm	350
53	Tuyến kênh 15 (ấp Xẻo Gừa – Cây Cui - Xẻo Dừng)	Từ ranh đất ông Lê Văn Sĩ *(bờ đông)* , ấp Xẻo Gừa	Đến ranh đất ông Trương Văn Chính, ấp Xẻo Dừng	350
54	Tuyến kênh 15 (ấp Xẻo Gừa – Cây Cui - Xẻo Dừng)	Từ ranh đất bà Đào Ngọc Thu *(bờ tây)*	Đến ranh đất ông Trần Văn Nghía	350
55	Tuyến kênh Hào Xìa (ấp Xẻo Dừng)	Từ đất ông Ba Em *(đầu kênh)*	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trang (cuối Kênh giáp lộ Vành đai)	350

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
56	Tuyến kênh Hào Xìa (ấp Xẻo Dừng)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hơn *(đầu kênh)*	Đến hết ranh đất ông Thu *(cuối kênh)*	450
57	Tuyến kênh Đồn (ấp Cây Cui)	Từ ranh đất ông Huỳnh Văn Thinh	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn	400
58	Tuyến kênh Đồn (ấp Cây Cui)	Từ đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Hiến	350
59	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ ranh đất ông Quách Văn Nam	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Bình Luận	540
60	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Bình Luận	Đến giáp ranh đất ông Bãy Nhờ	470
61	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ giáp ranh đất ông Quách Văn Thừa	Đến hết ranh đất ông Từ Văn Lấu	460
62	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ đất ông Từ Hoàng Thao	Đến giáp ranh đất ông Lâm Hoàng Vinh	470
63	Tuyến kênh Ông Yềm (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao)	Từ giáp ranh đất ông Từ Văn Lấu	Đến hết ranh đất ông Tăng Quốc Kha	400
64	Tuyến kênh Ông Yềm (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao)	Từ đất ông Phạm Văn Hậu	Đến giáp đất ông Danh Đạm	350
65	Tuyến Bờ đông kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Xẻo Dừng – Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Trò *(Cầu treo Vĩnh Phong),* ấp Xẻo Dừng	Đến hết ranh đất ông Trương Quốc Chiều *(cầu treo)*	500
66	Tuyến Bờ đông kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Xẻo Dừng – Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Đến hết ranh đất ông Trương Quốc Chiều *(cầu treo)*	Đến hết ranh đất ông Vũ Văn Khánh, ấp Chủ Chọt Đến cống trào Phước Long	450

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
67	Tuyến Bờ Tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Bắt đầu từ đất ông Nguyễn Thanh Hà, ấp Nhà Lầu 2	Đến giáp cầu kênh Dân Quân đất bà Mát	500
68	Tuyến Bờ Tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Bắt đầu từ cầu kênh Dân Quân đất ông Lâm Hoàng Vinh	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Của, ấp Chủ Chọt giáp xã Vĩnh Phước	450
69	Tuyến kênh 6000 (ấp Chủ Chọt – Thống Nhất)	Từ giáp ranh đất ông Quách Văn Chen, ấp Chủ Chọt	Đến giáp ranh đất ông Vũ Thanh Tòng, ấp Thống Nhất	450
70	Tuyến kênh 7000(ấp Chủ Chọt – Thống Nhất)	Từ giáp ranh đất ông Trần Văn Thiên, ấp Chủ Chọt	Đến giáp ranh đất ông Trần văn Quanh, ấp Thống Nhất	350
71	Tuyến kênh 20 (8000) (ấp Thống Nhất – Nhà Lầu)	Bờ Nam từ ranh đất ông Lê Văn Đinh, ấp Chủ Chọt	Đến giáp ranh đất ông Trương Quang Tư, ấp Thống Nhất	350
72	Tuyến kênh 20 (8000) (ấp Thống Nhất – Nhà Lầu)	Bờ Bắc từ ranh đất ông Nguyễn Văn Năm, ấp Nhà Lầu 1	Đến hết ranh đất Trường TH Trần Kim Túc	450
73	Tuyến kênh 9000 (ấp Nhà Lầu 1 – Thống Nhất)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Ni	Đến giáp ranh đất ông Danh Phi Rum, ấp Thống Nhất	350
74	Tuyến kênh 10000 (ấp Nhà Lầu 1 – Chòm Cao)	Từ ranh đất Bưu điện Nhà Lầu 1	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Kết, ấp Chòm Cao	450
75	Tuyến kênh 10000 (ấp Nhà Lầu 1 – Chòm Cao)	Từ Cầu kênh ngang	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Việt Hải, ấp Thống Nhất	400
76	Tuyến kênh 11000 (ấp Nhà Lầu 1 – Chòm Cao)	Từ ranh đất ông Mai Thanh Phong, ấp Nhà Lầu 1	Đến giáp ranh đất ông Huỳnh Vàng, ấp Chòm Cao	350
77	Tuyến kênh 12000 (ấp Nhà Lầu 2 – Chòm Cao – Ninh Thạnh Tây)	Từ ranh đất ông Lại Văn Vô	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Vàng, ấp Chòm Cao	350
78	Tuyến kênh 12000 (ấp Nhà Lầu 2 – Chòm Cao – Ninh Thạnh Tây)	Từ ranh đất ông Lê Văn Liếu	Đến giáp ranh đất ông Võ Văn Út, ấp Ninh Thạnh Tây	450

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
79	Tuyến kênh 13000 (ấp Nhà Lầu 2 – Chòm Cao – Ninh Thạnh Tây)	Từ ranh đất ông Huỳnh Vạng	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Bảo, ấp Ninh Thạnh Tây	350
80	Tuyến kênh 6000 (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Nguyễn Thanh Bình, ấp Chủ Chọt	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Loan	450
81	Tuyến kênh 7000 (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Lương Văn Ngọt	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Thương	350
82	Tuyến kênh xã Tư (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất Miễu Bà	Đến hết ranh đất ông Võ Thanh Nghiêm	350
83	Tuyến kênh xã Tư (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Lê Văn Ly	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Liêm	350
84	Tuyến kênh 9000 (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất bà Ngô Thị Tặng, ấp Nhà Lầu 1	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Sự	350
85	Tuyến kênh ông Tà (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Út, ấp Nhà Lầu 1	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Quốc	350
86	Tuyến kênh Bà Quơ	Từ ranh đất bà Huỳnh Thị Trinh	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Hải	350
87	Tuyến kênh Dân quân (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Trần Văn Á	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quân	350
88	Tuyến kênh Dân quân (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất bà Nguyễn Thị Mát	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Biểu	450
89	Tuyến Vành đai Sông cũ	Từ ngã 4 Cạnh Đền *(từ ranh đất ông Huỳnh Văn Hà)*	Đến giáp cầu kênh Dân Quân *(giáp nông trường)*	450
90	Tuyến Vành đai Sông cũ	Từ cầu kênh Dân Quân *(giáp nông trường)*	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Của *(kênh 6000)*	450
91	Tuyến đường ĐT.979 Phước Long - Ba Đình	Bờ Đông giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	750

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
92	Tuyến đường ĐT.979 Phước Long - Ba Đình	Bờ Tây giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	750
93	Tuyến đường ĐT.780 Phó Sinh - Cạnh Đền (hai bên)	Bờ Đông giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phong	750
94	Tuyến đường ĐT.780 Phó Sinh - Cạnh Đền (hai bên)	Bờ Tây giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phong	750
95	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220
96	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
97	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

39. XÃ VĨNH LỘC

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đinh Thị Tuyết	Đến hết ranh đất ông Bùi Văn Minh	2.200
2	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Văn Mùi	Đến cầu Trạm Y Tế	850
3	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ đội Thuế (từ ranh đất đội thuế xã)	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Nhan	2.200
4	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hoàng Nay	Đến ranh Trạm y tế xã *(Tên cũ: Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Tươi)*	850
5	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Út Ba	Đến hết ranh đất nhà bà Hoàng Kim Oanh (tính cả 2 bên)	850
6	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đinh Văn Tâm	Cầu Ngan Dọp	500
7	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ cầu Ngan Dọp	Đến Cầu nhà Võ Thị Á	500
8	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Thanh Giáp	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung (khu chữ U)	2.200
9	Đường Liên xã	Bắt đầu từ ngã 3 - ranh đất ông Phạm Văn Sự	Đến Cầu Trắng Hoà Bình	600
10	Đường Liên xã	Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến Cầu Chùa Sơn Trắng	500
11	Đường Liên xã	Bắt đầu từ cầu Chùa Sơn Trắng	Đến Giáp xã Hồng Dân *(Tên cũ: Lộc Ninh)*	500

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
12	Tuyến đường Trèm Trẹm	Bắt đầu từ trụ sở ấp Sơn Trắng	Đến hết ranh đất ông Đồng Văn Xuyên (cuối lộ)	300
13	Tuyến Lung Chích	Bắt đầu từ cầu Lung Chích	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Lực - Kênh Xáng Hòa Bình	300
14	Tuyến kênh Tây Ký	Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Định	500
15	Tuyến kênh Tây Ký	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Định	Đến hết ranh đất ông Tượng	300
16	Bờ Tây kênh Tây Ký (hướng Đông)	Bắt dầu từ ranh đất nhà máy xay xát lúa gạo ông Đơ	Đến hết ranh đất ông Sáu Lùng	300
17	Kênh Sóc Sáp (tính hai bên kinh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chín Đức	Đến ngã tư Sóc Sáp	300
18	Kênh Chín Cò	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Nhi (Kênh Xáng Hòa Bình)	Đến hết ranh đất trường tiểu học Nhụy Cầm	300
19	Kênh Lộ xe	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Nững	Đến hết ranh đất ông Hà Văn Thắng	500
20	Tuyến rạch Bà AI	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Lùng	Đến giáp ranh xã Hồng Dân *(Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Lương Văn Xuân)*	300
21	Kênh Xáng Hòa Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Mung	Đến Cầu Trắng Hoà Bình	500
22	Kênh Xáng Hòa Bình	Bắt đầu từ Đất ông Đơ	Đến hết ranh đất ông Hà Văn Vẹn (tính hai bên kinh Xáng)	300
23	Kênh Ngang	Bắt đầu từ lộ Chín Cò ranh đất ông Nguyễn Quốc Tuấn	Đến hết ranh đất nhà Ông Được	300

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
24	Kênh Tư Bời	Bắt đầu từ kênh Xáng Hoà Bình	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Phong	300
25	Kênh Vĩnh Ninh (tính 2 bên)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hồ Văn Nhàn	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Phương - giáp xã Hồng Dân *(Tên cũ: giáp xã Lộc Ninh)*	300
26	Kênh Ba Quy (tính 2 bên)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Hòa	Cầu Ba Quy	300
27	Tuyến Lộ Xe - Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Công Định	Đến giáp móng cầu Võ Thị Á (giáp xã Vĩnh Lộc A)	400
28	Tuyến Hai Thiệu	Bắt đầu từ cầu Hai Cát	Đến kênh Xáng Hòa Bình (đất ông Phong)	300
29	Tuyến Kênh Trạm Y Tế	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hạnh	Đến hết ranh đất nhànhà ông Định Văn Dũng	500
30	Lộ Mới đoạn nối Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Phương	600
31	Tuyến đường Cột	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 8 Nên	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Thi	300
32	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Thắng (ngã ba vào chợ)	Đến Cầu Chùa	2.550
33	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ trụ sở ấp Ba Đình	Đến hết ranh đất Bưu điện	2.550
34	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nhựt	Đến hết ranh đất ông Hòa Cuội	2.550
35	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất Ông Siêu	Đến hết ranh đất Quán nước ông Tỷ	2.550

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
36	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Ràng	Đến hết ranh đất ông Mười Hề	2.000
37	Tuyến Bến Bào về Ba Đình	Bắt đầu từ ranh đất ông Tiêu Chí Long	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tỷ	600
38	Tuyến Vĩnh Lộc-Vĩnh Lộc A	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Vĩnh Lộc A cũ	Đến cầu nhà Võ Thị A *(Tên cũ: Đến Giáp xã Vĩnh Lộc)*	500
39	Tuyến kênh lộ xe (Bờ đông)	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kia	Đến hết ranh đất ông Lâm Ngọc Thi	400
40	Tuyến kênh lộ xe (Bờ Tây)	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín To	Đến hết ranh đất nền đồn cũ	400
41	Sông Cá Chanh	Bắt đầu từ ranh đất ông Tư Lan	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Sáng	300
42	Tuyến đầu Kênh Mới	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kia	Đến hết ranh đất ông Nguyên	300
43	Kênh Sóc Sáp (tính hai bên kinh)	Bắt đầu từ trường TH Nguyễn Trường Tộ	Hết ranh ông Trần Văn Chương	300
44	Tuyến đầu Kênh 3	Bắt đầu từ ranh đất ông Hào	Đến hết ranh đất ông Chanh	300
45	Lộ Bình Lộc	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Văn Ba	Đến hết ranh đất Bến Luông	400
46	Lộ Bình Lộc	Bắt đầu từ ranh đất ông Hó	Đến hết ranh đất ông Hồ Văn Bảy	400
47	Tuyến kênh 8 Lang	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Kịch	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Sĩ	400
48	Tuyền kênh Giữa	Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Hớn	Đến hết ranh đất ông Dương Văn Ba *(Tên cũ: Đến hết ranh đất điểm Trường Nguyễn Trường Tộ)*	300

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
49	Kênh Chuối	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đỗ Hoàng Hên	Đến giáp đất ông Đinh Văn Nguyễn	300
50	Kênh Tám	Bắt đầu từ cầu Kênh Tám	Đến giáp Kênh giữa	300
51	Kênh Bà Từ	Bắt đầu từ cầu Út Nhỏ	Đến giáp Kênh Bến Bào	300
52	Kênh Mười	Bắt đầu từ cầu Cây Khô	Đến giáp Kênh giữa	300
53	Sông Cái Tàu	Bắt đầu từ cầu Kênh 7	Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Khoa	300
54	Kênh Lô	Bắt đầu từ cầu kênh Lô	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Kiệt	300
55	Ô Đê Bao	Bắt đầu từ ranh đất bà Phan Kim Dol	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Đèo	300
56	Ô Đê Bao	Bắt đầu từ ranh đất ông Ngô Văn Sáng	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Bền	300
57	Kênh Chín Hý	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Lâm	Đến ranh đất ông Đinh Văn Nguyễn	300
58	Đường hoàn trả ĐT.978	Bắt đầu từ ranh đất ông Huỳnh Văn Lăn	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Liên	500
59	Tuyến Nông Trường (tính cả 2 bên)	Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Mẫn	Đến kinh Xáng Hòa Bình	300
60	Tuyến Nông Trường 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Tám	Đến hết ranh đất nhà ông Lương Văn Xinh	300
61	Tuyến Nông Trường 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đồng Văn Gon	Đến hết ranh đất nhà ông Trịnh Văn Mân	300
62	Tuyến Kênh Mười Hai	Bắt đầu từ cầu 2 Thiệu	Đến hết ranh đất nhà ông Hà Hoàng Ven	300

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
63	Tuyến Vôi Lớn	Bắt đầu từ ranh đất bà Lê Thị Liên	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Được	300
64	Tuyến Đất Sét	Bắt đầu từ đất ông Đinh Văn Triều	Đến hết ranh đất nhà Trần Văn Núi	300
65	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220
66	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
67	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

III. Đất nông nghiệp

ĐVT: 1.000 đồng/m^2

STT	Tên loại đất	Giá đất năm 2026	
		khu vực 1 (vị trí 1)	**khu vực 2 (vị trí 1)**
1	Đất trồng cây lâu năm	280	130
2	Đất trồng lúa (gồm đất chuyên trồng lúa và đất trồng lúa còn lại)	250	100
3	Đất trồng cây hàng năm khác và đất nuôi trồng thủy sản	250	80
4	Đất rừng sản xuất	200	60
5	Đất rừng đặc dụng	200	50
6	Đất rừng phòng hộ	200	45
7	Đất làm muối	200	80

Ghi chú

- Đất nông nghiệp: Được phân thành 02 khu vực, cụ thể:

+ Khu vực 1: Gồm các phường trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

+ Khu vực 2: Các xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Vị trí đất nông nghiệp: Được phân chia thành 03 vị trí, cụ thể

+ Vị trí 1 (60 mét đầu tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc ranh giới đã giải phóng mặt bằng hoặc mép đường hiện hữu) tính 100% mức giá quy định trong bảng giá;

+ Vị trí 2 (từ trên 60 mét đến 120 mét) tính bằng 80% so với mức giá vị trí 1;

+ Vị trí 3 các vị trí còn lại ngoài vị trí 1 và vị trí 2, tính bằng 60% so với mức giá vị trí 1.